

QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT
KIM GROWTH VNFINSELECT ETF

Số/No.: 20240814/FUEKIVFS-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Ho Chi Minh City, August 14, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

4. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund: Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT/ KIM Growth VNFINSELECT ETF*
- Mã chứng khoán/ *Securities code: FUEKIVFS*
- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807 – 1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Room 1807 – 1808, Floor 18, mPlaza Saigon, 39 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Điện thoại/ *Phone number: (028) 3824 2220* Fax: (028) 3824 2225
- Email: etf@koreainvestment.com.vn Website: <https://koreainvestment.com.vn/>
5. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên năm 2024
Content of information disclosure: Report on Interim Audited Financial Statement – First half of 2024
6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>
This information was disclosed on Fund Management Company's portal on August 14, 2024, available at: https://koreainvestment.com.vn/en/home/

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên năm 2024/
Report on Interim Audited Financial Statement
– *First half of 2024*

Đại diện công bố thông tin



YUN HANG JIN
Tổng Giám đốc / General Director

Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 14
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF giữa niên độ	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19 - 20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	23 - 54

Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 50/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 9 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 63.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 6.300.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 279.000.000.000 VND, tương đương với 27.900.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 172/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 6 năm 2022.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 798/QĐ-SGDHCM ngày 26 tháng 10 năm 2022 với mã chứng khoán FUEKIVFS và chính thức giao dịch từ ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Điều lệ hoạt động Quỹ ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNFINSELECT do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Phòng 1807 - 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 8 năm 2022
Bà Lê Hoàng Dung	Thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 8 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên không độc lập	Ngày 15 tháng 8 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT ("Quỹ").

2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VNFINSELECT sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VNFINSELECT là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/chứng chỉ quỹ (CCQ) là 13,57% so với NAV/CCQ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023;

Trong khi giá trị của chỉ số tham chiếu thay đổi là 12,23% so với tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục Chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu. Khi danh mục trên có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 50/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 333.749.351.022 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 279.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 27.900.000 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, chỉ số VNFINSELECT tại thời điểm báo cáo là 2.078,25.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn mười (10) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề suất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %
Danh mục chứng khoán	99,31	99,73
Các tài sản khác	0,69	0,27
Cộng	100,00	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	333.749.351.022	294.926.449.265
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	27.900.000	28.000.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	11.962,34	10.533,08
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	12.633,57	11.344,91
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.532,80	8.423,82
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	11.870	10.600
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	12.690	11.290
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.550	8.570
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	13,57%	25,02%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,01%	1,27%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	7,48%	17,37%

(*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	13,57%	19,55%
3 năm (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập (ngày 22/09/2022) (**)	39,97%	39,97%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	12,23%	18,09%

(*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(**) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Năm 2024 là một năm mà nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức và bất ổn, và Việt Nam cũng nằm trong xu thế chung chịu ảnh hưởng của những biến động này. Lạm phát giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức cao, nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ chặt chẽ và lãi suất cao. Thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm do tăng cường biện pháp bảo hộ thương mại. Dẫu vậy trong nửa đầu năm 2024, kinh tế Việt Nam vẫn đạt được nhiều thành tựu tích cực và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

Tăng trưởng GDP quý II phục hồi mạnh, đạt 6,93%, tính chung 6 tháng đạt 6,42%, cao hơn nhiều cùng kỳ năm 2023 (3,84%) và vượt kịch bản tại Nghị quyết 01 (5,5 - 6%). Cả 3 khu vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đều tăng trưởng tốt (trong đó: nông nghiệp tăng 3,38%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%; dịch vụ tăng 6,64%).

Kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 6 tháng tăng 4,08% (lạm phát cơ bản tăng 2,75%). An ninh năng lượng, an ninh lương thực được bảo đảm (Xuất khẩu gạo đạt trên 4,6 triệu tấn, kim ngạch gần 3 tỷ USD, tăng lần lượt 10,4% và 32% so với cùng kỳ); cơ bản bảo đảm cân đối cung cầu lao động. Đầu tư phát triển tiếp tục đạt kết quả tích cực, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội quý II tăng 7,5%; tính chung 6 tháng tăng 6,8% (trong đó vốn đầu tư của khu vực Nhà nước tăng 4,8%; khu vực ngoài nhà nước tăng 6,7%, khu vực FDI tăng 10,3%). Giải ngân vốn đầu tư công đạt 29,39% kế hoạch. Thu hút FDI 6 tháng đạt 15,19 tỷ USD, tăng 13,1%; vốn FDI thực hiện đạt 10,84 tỷ USD, tăng 8,2% (cao nhất 5 năm qua).

2. Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có kết quả tích cực trong sáu tháng đầu năm 2024. Thị trường có diễn biến tăng điểm trong quý I và giảm điểm trong quý II. Chốt phiên giao dịch cuối cùng tháng Sáu, chỉ số VN Index tăng 10,21% so với cuối năm 2023, lên 1.245,32 điểm, chỉ số HNX Index tăng 2,84% lên 237,59 điểm, và chỉ số UPCOM Index tăng 12,06% lên 97,54 điểm.

Tính đến cuối tháng sáu, giá trị vốn hóa cổ phiếu trên HOSE đạt hơn 5,08 triệu tỷ đồng, tương đương 50,26% GDP năm 2023 theo giá hiện hành, tăng hơn 11,58% so với cuối năm trước. Thanh khoản thị trường sáu tháng đầu năm 2024 tăng cả về khối lượng và giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm trước. Tính chung trên cả 2 sàn, tổng giá trị giao dịch tăng 78,22% ở mức hơn 2.800 nghìn tỷ đồng và tổng khối lượng giao dịch tăng 26,2% lên 112,89 triệu cổ phiếu.

Số lượng tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tiếp tục tăng trưởng, đạt hơn 8 triệu tài khoản vào cuối tháng 6 năm 2024. Cũng trong sáu tháng đầu năm 2024, thị trường chứng khoán phái sinh, thị trường trái phiếu chính phủ đều hoạt động ổn định và duy trì thanh khoản tích cực.

Cùng với đó, kinh tế vĩ mô trong nước hồi phục tích cực đã hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của hầu hết các công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch quy mô lớn đạt kết quả khả quan, với tổng lợi nhuận sau thuế quý I năm 2024 tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong sáu tháng đầu năm 2024, UBCKNN đã tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan, tích cực, quyết liệt, triển khai các giải pháp để thị trường chứng khoán Việt Nam đáp ứng được các tiêu chí nâng hạng. Những nỗ lực, giải pháp đề ra của cơ quan quản lý đã được các tổ chức quốc tế, thành viên thị trường... đánh giá tích cực.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

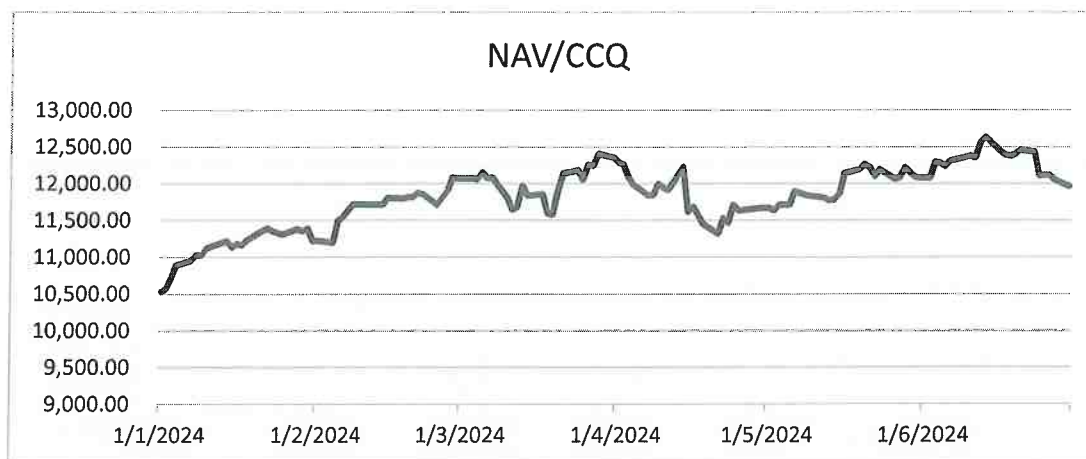
IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	<u>1 năm đến thời điểm báo cáo</u>	<u>3 năm đến thời điểm báo cáo</u>	<u>Từ khi thành lập %</u>
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	12,23%	Không áp dụng	18,09%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị quỹ	13,57%	Không áp dụng	39,97%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	12,67%	Không áp dụng	60,69%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	11,98%	Không áp dụng	40,97%

(*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT được chính thức niêm yết trên sàn HSX (Ngày 26 tháng 10 năm 2022).

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</u>	<u>Tỷ lệ thay đổi %</u>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	333.749.351.022	294.926.449.265	13,16%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	11.962,34	10.533,08	13,57%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

<u>Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)</u>	<u>Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ</u>	<u>Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>
Dưới 10.000	38	14.800	0,05%
Từ 10.000 đến 50.000	1	12.900	0,05%
Từ 50.000 đến 500.000	5	672.500	2,41%
Trên 500.000	9	27.199.800	97,49%
Tổng cộng	53	27.900.000	100,00%

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngầm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Theo SSI, yếu tố cơ bản đang chuyển biến tích cực theo dự đoán và có phần tốt hơn kỳ vọng. Với số liệu tăng trưởng GDP sáu tháng đầu năm vượt kỳ vọng, khả năng chính sách điều hành có thể sẽ tập trung hơn vào các yếu tố mang tính ổn định kinh tế vĩ mô như lạm phát và tỷ giá trong khi lãi suất có thể tiếp tục tăng nhẹ. Điều này có thể đã phản ánh lên sự sụt giảm của thanh khoản TTCK thời gian gần đây. Ngược lại về dòng tiền khối ngoại, áp lực rút vốn từ dòng vốn ngoại nếu nhẹ bớt về cuối năm với kỳ vọng Mỹ giảm lãi suất thì sẽ tạo động lực tích cực mới cho thị trường.

Thách thức lớn nhất của TTCK được dự đoán sẽ nằm ở các yếu tố vĩ mô của kinh tế thế giới và Việt Nam như vấn đề tỷ giá, lạm phát. Các đối tác thương mại lớn của Việt Nam, như Châu Âu đang gặp khó khăn, Mỹ đang trong giai đoạn cuối của việc siết chặt chính sách tiền tệ, và Trung Quốc đang đối mặt với khó khăn trong thị trường bất động sản.

Trong sáu tháng đầu năm 2024, SSI vẫn nghiêng về kịch bản thị trường tiếp tục xu hướng tăng trưởng, dù các biến số rủi ro đang vẫn còn hiện diện và có thể khiến thị trường biến động. P/E ước tính năm 2024 của VNIndex hiện ở mức 11,5 lần, thấp hơn mức trung bình 5 năm 13,4 lần. Chúng tôi tin rằng với mức định giá này thì "cửa tăng" của VNIndex vẫn sáng trong nửa cuối năm và sang năm 2025, nhất là khi tình hình kinh tế tiếp tục quá trình hồi phục. Tăng lương cơ sở cho khu vực công bắt đầu từ ngày 1 tháng 7; chính sách kích cầu tiêu dùng giảm thuế GTGT 2% được gia hạn đến hết năm; hoạt động xuất khẩu sẽ thuận lợi hơn nếu Mỹ công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường vào cuối tháng 7; vướng mắc trong quá trình nâng hạng vẫn đang dần dần được tháo gỡ. Chỉ số được cho là sẽ tiếp tục duy trì mục tiêu 1300-1350 vào cuối năm 2024.

Dự báo kịch bản thị trường cho năm 2024, tăng trưởng lợi nhuận năm 2023 của các doanh nghiệp niêm yết trên toàn thị trường chỉ có thể đạt mức khoảng 3,6%. Tuy nhiên, năm 2024, dự báo lợi nhuận tăng trưởng của thị trường được ước tính có thể đạt mức 16,8%. Động lực chủ yếu đến từ những lĩnh vực sẽ phục hồi so với năm 2023 như: bán lẻ, vật liệu cơ bản, hàng hóa, điện hay ngân hàng... Điểm rơi lợi nhuận của thị trường trong năm 2024 có thể rơi vào quý III với mức tăng trưởng khoảng 30%.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Nhân sự điều hành quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Hyun DongSik - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Hyun DongSik đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như MG Community Credit Cooperatives, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Hyun DongSik tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Hyun DongSik được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

Ông Park ChangKue - Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Park ChangKue đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như SI Securities, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Park ChangKue tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh và ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc tại trường Đại học Kookmin, Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Park ChangKue được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Ông Yun Hang Jin - Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám Đốc

Ông Yun Hang Jin đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như Dongwon Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd, Korea Investment Securities. Về học vấn, Ông Yun Hang Jin tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc và có chứng chỉ quản lý tài sản và chứng chỉ quản trị rủi ro tài chính (FRM) do Hàn Quốc cấp. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Yun Hang Jin được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám Đốc kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

Thông tin về Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh sở hữu chứng chỉ CFA và có hơn 15 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động phân tích và quản lý tài sản. Ông Khánh tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tài chính - ngân hàng tại Singapore Institute of Management và được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ năm 2012. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, ông Khánh đã làm việc tại nhiều tổ chức tài chính như Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) và Văn phòng đại diện Korea Investment Management Co., Ltd tại Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê - Người điều hành Quỹ

Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê sở hữu chứng chỉ CFA và có kinh nghiệm gần 10 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý tài sản và phân tích đầu tư. Bà Lê tốt nghiệp trường Đại học Iowa (Hoa Kỳ) chuyên ngành tài chính - kế toán. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, bà Lê đã có nhiều năm làm việc tại các tổ chức danh tiếng về quản lý tài sản như Aegon Companies Investment Management Inc., Cedar Rapids (Hoa Kỳ), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



YUN HANG JIN

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT (“Quỹ”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Trong năm, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Đoàn Thị Thu Hằng

Số tham chiếu: 61897579/67611772-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT (“Quỹ”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 15 đến trang 54, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (Công ty Quản lý Quỹ) chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B01g-ETF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		41.601.944.870	12.702.957.777
02	1.1 Cổ tức được chia	13	5.607.416.500	1.219.950.000
03	1.2 Tiền lãi được nhận	13	1.214.770	453.627
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	14	749.717.615	56.287.694
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	35.243.595.985	11.426.266.456
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		35.817.596	12.038.097
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	35.817.596	12.038.097
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		1.627.308.532	766.597.470
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		983.874.829	224.836.478
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	16	140.623.460	128.044.965
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		36.082.659	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		33.000.000	32.999.992
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	17	182.396.893	107.343.890
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		69.816.351	80.730.312
20.11	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	82.514.340	60.641.833
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		39.938.818.742	11.924.322.210
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		39.938.818.742	11.924.322.210
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		4.695.222.757	498.055.754
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		35.243.595.985	11.426.266.456
41	VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		39.938.818.742	11.924.322.210

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B02g-ETF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	2.118.511.327	794.082.765
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		2.118.511.327	794.082.765
111.2	1.1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		2.118.511.327	794.082.765
120	2. Các khoản đầu tư thuần		331.903.890.950	294.717.613.350
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	331.903.890.950	294.717.613.350
130	3. Các khoản phải thu		216.755.982	-
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	6	201.674.000	-
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		201.674.000	-
137	3.2 Chi phí trả trước ngắn hạn	7	15.081.982	-
100	TỔNG TÀI SẢN		334.239.158.259	295.511.696.115
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	1.500.000	1.500.000
316	2. Chi phí phải trả	9	88.288.985	153.900.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	10	400.018.252	429.846.850
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		489.807.237	585.246.850
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		333.749.351.022	294.926.449.265
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		279.000.000.000	280.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	280.000.000.000	280.000.000.000
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(1.000.000.000)	-
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	11	(1.124.239.376)	(1.008.322.391)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	55.873.590.398	15.934.771.656
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	11	11.962,34	10.533,09

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	11	27.900.000	28.000.000

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	294.926.449.265	64.871.254.679
II	Thay đổi NAV trong kỳ	39.938.818.742	11.924.322.210
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	39.938.818.742	11.924.322.210
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF	(1.115.916.985)	124.321.807.743
III.1	- Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại, chứng chỉ quỹ ETF	(1.115.916.985)	124.321.807.743
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ	333.749.351.022	201.117.384.632

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B04g-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 %
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT			331.503.259.950	99,19%
1	ACB	1.469.734	23.800	34.979.669.200	10,47%
2	AGR	24.007	18.500	444.129.500	0,13%
3	BIC	6.300	35.500	223.650.000	0,07%
4	BID	84.952	43.250	3.674.174.000	1,10%
5	BMI	13.620	25.050	341.181.000	0,10%
6	BSI	10.780	50.800	547.624.000	0,16%
7	BVH	28.100	46.000	1.292.600.000	0,39%
8	CTG	295.968	31.000	9.175.008.000	2,75%
9	CTS	14.200	38.550	547.410.000	0,16%
10	EIB	572.639	18.900	10.822.877.100	3,24%
11	EVF	166.800	14.300	2.385.240.000	0,71%
12	FTS	60.690	40.500	2.457.945.000	0,73%
13	HCM	138.660	26.200	3.632.892.000	1,09%
14	HDB	793.445	23.000	18.249.235.000	5,46%
15	LPB	840.838	28.200	23.711.631.600	7,09%
16	MBB	1.062.875	22.200	23.595.825.000	7,06%
17	MIG	23.055	22.300	514.126.500	0,15%
18	MSB	622.020	14.300	8.894.886.000	2,66%
19	OCB	414.650	14.100	5.846.565.000	1,75%
20	ORS	111.832	12.600	1.409.083.200	0,41%
21	SHB	1.124.480	11.400	12.819.072.000	3,84%
22	SSB	502.202	20.800	10.445.801.600	3,13%
23	SSI	386.400	33.950	13.118.280.000	3,92%
24	STB	688.900	28.800	19.840.320.000	5,94%
25	TCB	1.674.800	23.350	39.106.580.000	11,70%
26	TPB	403.348	17.200	6.937.585.600	2,08%
27	TVS	34.110	23.050	786.235.500	0,24%
28	VCB	224.895	85.200	19.161.054.000	5,73%
29	VCI	112.000	46.100	5.163.200.000	1,54%
30	VDS	34.899	20.600	718.919.400	0,22%
31	VIB	417.840	21.000	8.774.640.000	2,63%
32	VIX	233.580	16.400	3.830.712.000	1,15%
33	VND	347.655	16.050	5.579.862.750	1,67%
34	VPB	1.741.300	18.650	32.475.245.000	9,72%
II	QUYỀN MUA CỔ PHIẾU			400.631.000	0,12%
1	MIRVND241	66.220	6.050	400.631.000	0,12%
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC			216.755.982	0,06%
1	Dự thu cổ tức			201.674.000	0,06%
2	Trả trước giá dịch vụ quản lý niêm yết cho HOSE			15.081.982	0,00%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B04g-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 %
IV 1	TIỀN Tiền gửi ngân hàng			2.118.511.327 2.118.511.327	0,63% 0,63%
	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			334.239.158.259	100,00%

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		39.938.818.742	11.924.322.210
01.1	Điều chỉnh (lãi)/lỗ do việc mua hộ chứng khoán hạn chế	14	(123.183.435)	41.002.000
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(35.173.779.634)	(11.345.536.144)
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(35.243.595.985)	(11.426.266.456)
04	Chi phí trích trước		69.816.351	80.730.312
05	3. Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		4.641.855.673	619.788.066
20	Tăng các khoản đầu tư		(2.929.458.180)	(23.555.139.694)
06	Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		-	(604.265.000)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(201.674.000)	(285.400.000)
08	Tăng các khoản phải thu khác		(15.081.982)	(15.123.274)
10	Tăng phải trả người bán		-	19.733.053.241
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối CCQ		-	1.994.870.079
13	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	(150.000)
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		(135.427.366)	(77.791.115)
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		(29.828.598)	78.797.490
18	Tăng các khoản phải trả khác		-	6.100.370
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.330.385.547	(2.105.259.837)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ		-	23.484.082.743
22	2. Tiền chi từ phát hành chứng chỉ quỹ		(5.956.985)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(5.956.985)	23.484.082.743
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		1.324.428.562	21.378.822.906
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		794.082.765	287.643.991
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		794.082.765	287.643.991
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		794.082.765	287.643.991

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
 Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B05g-ETF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	2.118.511.327	21.666.466.897
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		2.118.511.327	21.666.466.897
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		2.118.511.327	21.643.441.657
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		-	23.025.240
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		1.324.428.562	21.378.822.906

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
 Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT (“Quỹ”) là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là “quỹ ETF”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 50/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 9 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 63.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 6.300.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 279.000.000.000 VND, tương đương với 27.900.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 172/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 6 năm 2022.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 798/QĐ-SGDHCM ngày 26 tháng 10 năm 2022 với mã chứng khoán FUEKIVFS và chính thức giao dịch từ ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Điều lệ hoạt động Quỹ ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNFINSELECT do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Phòng 1807 – 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 63.000.000.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 279.000.000.000 VND, tương đương với 27.900.000 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ số Tham chiếu VNFINSELECT sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VNFINSELECT là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ;
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chỉ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu.

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục "*Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện*" trên báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98 như sau:

Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
 - ▶ Giá mua; hoặc
 - ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá hoán đổi hoặc mua vào của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ kế toán là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT sẽ không phân phối lợi nhuận.

3.7 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

3.8 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Phí quản lý quỹ là $0,6\% \times \text{NAV}/\text{năm}$ và được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí quản lý quỹ cho kỳ định giá = "Tỷ lệ (%) phí dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Phí dịch vụ" \times "NAV tại ngày trước Ngày định giá" \times "số ngày thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)".

Phí dịch vụ giám sát

Phí dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ. Phí dịch vụ giám sát được tính là $0,02\% \text{ NAV}/\text{năm}$ (chưa bao gồm VAT), với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng (chưa bao gồm VAT). Phí dịch vụ trả hàng tháng là tổng phí dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí (tiếp theo)

Phí dịch vụ lưu ký

Phí dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Phí dịch vụ trả hàng tháng là tổng phí dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán từng thời kỳ.

Phí dịch vụ này được quy định theo bảng dưới đây (chưa bao gồm VAT):

Chỉ số	Tiền dịch vụ cung cấp tối thiểu/năm (VND)	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)		
		Dưới 600 tỷ đồng	Từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 tỷ đồng trở lên
VNFINSELECT	20.000.000	0,06	0,05	0,04

Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị Quỹ trả hàng tháng là tổng phí dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ này được quy định theo bảng dưới đây (chưa bao gồm VAT):

Chỉ số	Tiền dịch vụ cung cấp tối thiểu/năm (VND)	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)	
		Dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 tỷ đồng trở lên
VNFINSELECT	15.000.000	0,03	0,02

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí (tiếp theo)

Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu

Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số VNFINSELECT. Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Phí dịch vụ này được quy định theo bảng dưới đây (chưa bao gồm VAT):

Chỉ số	Tiền dịch vụ cung cấp tối thiểu/năm	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)			
		Dưới 500 tỷ đồng	Từ 500 đến dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 đến dưới 2.000 tỷ đồng	Từ 2.000 tỷ đồng trở lên
VNFINSELECT	165.000.000 (VND)	0,055	0,045	0,035	0,025

Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu

Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% NAV/năm với mức tối thiểu là 50.000.000 VND/năm (chưa bao gồm VAT). Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,03% giá trị giao dịch, tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

b. *Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của quỹ ETF	2.118.511.327	794.082.765

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch thuần VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Cổ phiếu niêm yết	279.691.300.894	331.503.259.950	57.511.216.046	(5.699.256.990)	51.811.959.056	331.503.259.950
Quyền mua chứng khoán	-	400.631.000	400.631.000	-	400.631.000	400.631.000
	279.691.300.894	331.903.890.950	57.911.847.046	(5.699.256.990)	52.212.590.056	331.903.890.950
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Cổ phiếu niêm yết	277.748.619.279	294.717.613.350	20.431.794.887	(3.462.800.816)	16.968.994.071	294.717.613.350
	277.748.619.279	294.717.613.350	20.431.794.887	(3.462.800.816)	16.968.994.071	294.717.613.350
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập giữa niên độ					35.243.595.985	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	201.674.000	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Phí dịch vụ quản lý niêm yết trả HOSE	15.081.982	-

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân - Thù lao ban đại diện Quỹ	1.500.000	1.500.000

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Trích trước - Phí kiểm toán	69.816.351	140.400.000
Trích trước - Thù lao Ban đại diện Quỹ	13.500.000	13.500.000
Trích trước - Phí quản lý thường niên cho Ủy ban Chứng khoán	4.972.634	-
	88.288.985	153.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phí quản lý Quỹ ETF	168.642.865	147.469.506
Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	90.202.246	144.917.839
Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE	81.989.568	78.958.439
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	20.000.000	20.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	16.500.000	16.500.000
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
Phí dịch vụ giám sát	6.183.573	5.501.066
	400.018.252	429.846.850

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Phát sinh trong năm VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	28.000.000	-	28.000.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	280.000.000.000	-	280.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành	(1.008.322.391)	-	(1.008.322.391)
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ ETF	278.991.677.609	-	278.991.677.609
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	(100.000)	(100.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại	-	(115.916.985)	(115.916.985)
Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	-	(1.115.916.985)	(1.115.916.985)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	28.000.000	(100.000)	27.900.000
Giá trị vốn góp hiện hành	278.991.677.609	(1.115.916.985)	277.875.760.624
Lợi nhuận chưa phân phối	15.934.771.656	39.938.818.742	55.873.590.398
Giá trị tài sản ròng hiện hành	294.926.449.265		333.749.351.022
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.533,08		11.962,34

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	(1.034.222.415)	4.695.222.757	3.661.000.342
Lợi nhuận chưa thực hiện	16.968.994.071	35.243.595.985	52.212.590.056
	15.934.771.656	39.938.818.742	55.873.590.398

13. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Cổ tức được chia	5.607.416.500	1.219.950.000
Cổ tức đã nhận	5.405.742.500	912.850.000
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	201.674.000	307.100.000
Tiền lãi được nhận	1.214.770	453.627
	5.608.631.270	1.220.403.627

14. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Lãi bán các khoản đầu tư	626.534.180	97.289.694
Lãi/(lỗ) giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	123.183.435	(41.002.000)
	749.717.615	56.287.694

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

	Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND	Lãi bán chứng khoán cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Cổ phiếu niêm yết			
Lãi bán các khoản đầu tư	11.148.485.000	10.521.950.820	626.534.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	19.094.867	6.563.688
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	16.722.729	5.474.409
	35.817.596	12.038.097

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký – bảo quản tài sản	120.000.000	120.000.000
Phí dịch vụ lưu ký trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	22.365.405	5.344.576
Phí dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán	(1.741.945)	2.700.389
	140.623.460	128.044.965

17. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Chi phí cung cấp dịch vụ tính chỉ số tham chiếu trả HOSE	75.203.978	25.521.960
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	107.192.915	81.821.930
	182.396.893	107.343.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Thù lao Ban đại diện Quỹ	30.000.000	30.000.000
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	14.918.018	14.876.726
Phí thực hiện quyền trả VSD	13.600.000	9.000.000
Chi phí thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	4.972.634	4.958.885
Chi phí ngân hàng	1.101.270	796.862
Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSD	500.000	-
Chi phí in ấn, gửi thư	17.422.418	1.009.360
	82.514.340	60.641.833

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VFINSELECT

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
		Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	1/1/2024	294.918.574.253	28.000.000	10.532,80		2/1/2023	64.863.444.676	7.700.000	8.423,82	
2	2/1/2024	295.938.635.703	28.000.000	10.569,23	36,43	3/1/2023	67.307.109.307	7.700.000	8.741,18	317,36
3	3/1/2024	300.096.278.610	28.000.000	10.717,72	148,49	4/1/2023	67.383.018.440	7.700.000	8.751,04	9,86
4	4/1/2024	304.878.643.471	28.000.000	10.888,52	170,80	5/1/2023	68.078.892.884	7.700.000	8.841,41	90,37
5	7/1/2024	306.798.552.469	28.000.000	10.957,09	68,57	8/1/2023	68.474.364.655	7.700.000	8.892,77	51,36
6	8/1/2024	308.661.444.040	28.000.000	11.023,62	66,53	9/1/2023	68.832.531.720	7.700.000	8.939,28	46,51
7	9/1/2024	308.622.087.792	28.000.000	11.022,21	(1,41)	10/1/2023	68.804.603.603	7.700.000	8.935,66	(3,62)
8	10/1/2024	311.214.643.796	28.000.000	11.114,80	92,59	11/1/2023	68.837.986.248	7.700.000	8.939,99	4,33
9	11/1/2024	312.090.280.081	28.000.000	11.146,08	31,28	12/1/2023	69.017.986.404	7.700.000	8.963,37	23,38
10	14/1/2024	314.042.730.820	28.000.000	11.215,81	69,73	15/1/2023	69.555.177.292	7.700.000	9.033,13	69,76
11	15/1/2024	311.601.920.981	28.000.000	11.128,64	(87,17)	16/1/2023	70.382.187.273	7.700.000	9.140,54	107,41
12	16/1/2024	313.072.480.581	28.000.000	11.181,16	52,52	17/1/2023	72.068.609.561	7.700.000	9.359,55	219,01
13	17/1/2024	312.456.756.061	28.000.000	11.159,16	(22,00)	18/1/2023	72.455.624.807	7.700.000	9.409,82	50,27
14	18/1/2024	314.446.600.266	28.000.000	11.230,23	71,07	19/1/2023	73.037.476.788	7.700.000	9.485,38	75,56
15	21/1/2024	316.872.337.894	27.900.000	11.357,43	127,20	26/1/2023	73.009.202.630	7.700.000	9.481,71	(3,67)
16	22/1/2024	317.854.402.297	27.900.000	11.392,63	35,20	29/1/2023	73.267.360.921	7.700.000	9.515,24	33,53
17	23/1/2024	316.752.590.846	27.900.000	11.353,13	(39,50)	30/1/2023	71.920.218.538	7.700.000	9.340,28	(174,96)
18	24/1/2024	316.094.460.918	27.900.000	11.329,55	(23,58)	31/1/2023	73.319.621.351	7.700.000	9.522,02	181,74
19	25/1/2024	315.499.303.912	27.900.000	11.308,21	(21,34)	1/2/2023	70.572.761.065	7.700.000	9.165,29	(356,73)
20	28/1/2024	317.517.543.427	27.900.000	11.380,55	72,34	2/2/2023	70.489.461.589	7.700.000	9.154,47	(10,82)
21	29/1/2024	316.711.239.798	27.900.000	11.351,65	(28,90)	5/2/2023	69.819.280.280	7.700.000	9.067,43	(87,04)
22	30/1/2024	317.689.095.544	27.900.000	11.386,70	35,05	6/2/2023	70.606.834.604	7.700.000	9.169,71	102,28

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VFINSELECT

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
		Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
23	31/1/2024	312.954.058.176	27.900.000	11.216,99	(169,71)	69.116.993.869	7.700.000	8.976,23	(193,48)
24	1/2/2024	313.068.007.835	27.900.000	11.221,07	4,08	69.483.679.936	7.700.000	9.023,85	47,62
25	4/2/2024	312.370.948.842	27.900.000	11.196,09	(24,98)	69.033.702.630	7.700.000	8.965,41	(58,44)
26	5/2/2024	320.993.207.595	27.900.000	11.505,13	309,04	67.931.990.758	7.700.000	8.822,33	(143,08)
27	6/2/2024	322.034.502.859	27.900.000	11.542,45	37,32	66.742.562.326	7.700.000	8.667,86	(154,47)
28	8/2/2024	326.852.320.592	27.900.000	11.715,13	172,68	66.708.945.446	7.700.000	8.663,49	(4,37)
29	14/2/2024	326.800.685.323	27.900.000	11.713,28	(1,85)	67.279.747.263	7.700.000	8.737,62	74,13
30	15/2/2024	329.385.024.033	27.900.000	11.805,91	92,63	68.374.379.066	7.700.000	8.879,78	142,16
31	18/2/2024	329.031.175.111	27.900.000	11.793,23	(12,68)	68.566.867.830	7.700.000	8.904,78	25,00
32	19/2/2024	329.717.366.168	27.900.000	11.817,82	24,59	71.014.638.741	7.700.000	9.222,68	317,90
33	20/2/2024	329.583.467.536	27.900.000	11.813,02	(4,80)	70.396.674.000	7.700.000	9.142,42	(80,26)
34	21/2/2024	331.241.609.091	27.900.000	11.872,45	59,43	68.436.510.511	7.700.000	8.887,85	(254,57)
35	22/2/2024	330.781.124.069	27.900.000	11.855,95	(16,50)	68.952.969.883	7.700.000	8.954,93	67,08
36	25/2/2024	326.744.728.655	27.900.000	11.711,28	(144,67)	67.405.786.829	7.700.000	8.753,99	(200,94)
37	26/2/2024	329.482.291.648	27.900.000	11.809,40	98,12	66.209.221.224	7.700.000	8.585,97	(168,02)
38	27/2/2024	331.983.755.538	27.900.000	11.899,05	89,65	66.209.221.224	7.700.000	8.598,60	12,63
39	28/2/2024	336.974.866.934	27.900.000	12.077,95	178,90	67.996.684.749	7.700.000	8.830,73	232,13
40	29/2/2024	336.671.845.025	27.900.000	12.067,09	(10,86)	67.790.729.830	7.700.000	8.803,99	(26,74)
41	3/3/2024	336.724.318.558	27.900.000	12.068,97	1,88	66.671.451.806	7.700.000	8.658,63	(145,36)
42	4/3/2024	336.354.376.392	27.900.000	12.055,71	(13,26)	67.040.046.737	7.700.000	8.706,49	47,86
43	5/3/2024	338.858.291.638	27.900.000	12.145,45	89,74	67.853.053.893	7.700.000	8.812,08	105,59
44	6/3/2024	336.868.039.718	27.900.000	12.074,12	(71,33)	69.031.686.044	7.700.000	8.965,15	153,07
45	7/3/2024	337.002.404.128	27.900.000	12.078,93	4,81	69.813.414.604	7.700.000	9.066,67	101,52
46	10/3/2024	329.300.464.349	27.900.000	11.802,88	(276,05)	69.152.410.012	7.700.000	8.980,83	(85,84)
47	11/3/2024	324.827.859.892	27.900.000	11.642,57	(160,31)	69.007.528.770	7.700.000	8.962,01	(18,82)
48	12/3/2024	325.986.816.664	27.900.000	11.684,11	41,54	68.026.744.301	7.700.000	8.834,64	(127,37)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VFINSELECT

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		Số lượng chứng chỉ quỹ		NAV/CCQ		Tăng/(giảm) NAV/CCQ		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		Số lượng chứng chỉ quỹ		NAV/CCQ		Tăng/(giảm) NAV/CCQ	
		VND	VND	CCQ	NAV	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	CCQ	NAV	VND	VND	VND
49	13/3/2024	333.949.010.877	11.969,49	27.900.000	11.969,49	285,38	15/3/2023	70.031.849.651	7.700.000	9.095,04	260,40	7.700.000	9.095,04	260,40			
50	14/3/2024	330.175.396.198	11.834,24	27.900.000	11.834,24	(135,25)	19/3/2023	69.233.586.022	7.700.000	8.991,37	40,38	7.700.000	8.991,37	40,38			
51	17/3/2024	330.813.493.357	11.857,11	27.900.000	11.857,11	22,87	20/3/2023	67.699.189.877	7.700.000	8.792,10	(199,27)	7.700.000	8.792,10	(199,27)			
52	18/3/2024	323.485.015.124	11.594,44	27.900.000	11.594,44	(262,67)	21/3/2023	68.468.038.334	7.700.000	8.891,95	99,85	7.700.000	8.891,95	99,85			
53	19/3/2024	323.053.268.292	11.578,97	27.900.000	11.578,97	(15,47)	22/3/2023	69.077.448.748	7.700.000	8.971,09	79,14	7.700.000	8.971,09	79,14			
54	20/3/2024	331.979.350.130	11.898,90	27.900.000	11.898,90	319,93	23/3/2023	69.657.503.331	7.700.000	9.046,42	75,33	7.700.000	9.046,42	75,33			
55	21/3/2024	338.677.871.461	12.138,99	27.900.000	12.138,99	240,09	26/3/2023	69.923.297.134	7.700.000	9.080,94	34,52	7.700.000	9.080,94	34,52			
56	24/3/2024	339.908.306.425	12.183,09	27.900.000	12.183,09	44,10	27/3/2023	70.452.272.415	7.700.000	9.149,64	68,70	7.700.000	9.149,64	68,70			
57	25/3/2024	336.281.604.904	12.053,10	27.900.000	12.053,10	(129,99)	28/3/2023	70.537.156.778	7.700.000	9.160,66	11,02	7.700.000	9.160,66	11,02			
58	26/3/2024	341.950.211.765	12.256,27	27.900.000	12.256,27	203,17	29/3/2023	70.798.123.351	7.700.000	9.194,56	33,90	7.700.000	9.194,56	33,90			
59	27/3/2024	341.559.157.611	12.242,26	27.900.000	12.242,26	(14,01)	30/3/2023	71.029.535.510	7.700.000	9.224,61	30,05	7.700.000	9.224,61	30,05			
60	28/3/2024	346.079.586.215	12.404,28	27.900.000	12.404,28	162,02	31/3/2023	71.672.192.788	7.700.000	9.308,07	83,46	7.700.000	9.308,07	83,46			
61	31/3/2024	344.774.680.722	12.357,51	27.900.000	12.357,51	(46,77)	2/4/2023	71.664.046.294	7.700.000	9.307,01	(1,06)	7.700.000	9.307,01	(1,06)			
62	1/4/2024	342.961.480.722	12.292,52	27.900.000	12.292,52	(64,99)	3/4/2023	72.904.057.343	7.700.000	9.468,05	161,04	7.700.000	9.468,05	161,04			
63	2/4/2024	342.047.298.031	12.259,75	27.900.000	12.259,75	(32,77)	4/4/2023	73.242.389.890	7.700.000	9.511,99	43,94	7.700.000	9.511,99	43,94			
64	3/4/2024	337.118.594.044	12.083,10	27.900.000	12.083,10	(176,65)	5/4/2023	73.182.247.386	7.700.000	9.504,18	(7,81)	7.700.000	9.504,18	(7,81)			
65	4/4/2024	334.240.839.669	11.979,95	27.900.000	11.979,95	(103,15)	6/4/2023	72.186.163.106	7.700.000	9.374,82	(129,36)	7.700.000	9.374,82	(129,36)			
66	7/4/2024	330.331.119.654	11.839,82	27.900.000	11.839,82	(140,13)	9/4/2023	72.388.565.877	7.700.000	9.401,11	26,29	7.700.000	9.401,11	26,29			
67	8/4/2024	330.323.336.346	11.839,54	27.900.000	11.839,54	(0,28)	10/4/2023	72.490.264.162	7.700.000	9.414,32	13,21	7.700.000	9.414,32	13,21			
68	9/4/2024	334.674.316.911	11.995,49	27.900.000	11.995,49	155,95	11/4/2023	72.686.654.905	7.700.000	9.439,82	25,50	7.700.000	9.439,82	25,50			
69	10/4/2024	333.229.639.607	11.943,71	27.900.000	11.943,71	(51,78)	12/4/2023	72.578.798.821	7.700.000	9.425,81	(14,01)	7.700.000	9.425,81	(14,01)			
70	11/4/2024	332.378.775.420	11.913,21	27.900.000	11.913,21	(30,50)	13/4/2023	72.317.863.586	7.700.000	9.391,93	(33,88)	7.700.000	9.391,93	(33,88)			
71	14/4/2024	341.044.721.841	12.223,82	27.900.000	12.223,82	310,61	16/4/2023	71.492.358.595	7.700.000	9.284,72	(107,21)	7.700.000	9.284,72	(107,21)			
72	15/4/2024	323.991.221.812	11.612,58	27.900.000	11.612,58	(611,24)	17/4/2023	71.544.632.071	7.700.000	9.291,51	6,79	7.700.000	9.291,51	6,79			
73	16/4/2024	325.989.553.239	11.684,21	27.900.000	11.684,21	71,63	18/4/2023	71.216.320.974	7.700.000	9.248,87	(42,64)	7.700.000	9.248,87	(42,64)			
74	18/4/2024	319.519.340.990	11.452,30	27.900.000	11.452,30	(231,91)	15/3/2023	70.031.849.651	7.700.000	9.095,04	260,40	7.700.000	9.095,04	260,40			

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VFINSELECT

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		
		Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
75	21/4/2024	315.732.374.118	27.900.000	11.316,57	70.378.478.060	7.700.000	9.140,06
76	22/4/2024	321.536.958.291	27.900.000	11.524,62	70.188.324.172	7.700.000	9.115,36
77	23/4/2024	319.816.237.443	27.900.000	11.462,94	69.954.617.579	7.700.000	9.085,01
78	24/4/2024	326.704.933.710	27.900.000	11.709,85	70.114.510.154	7.700.000	9.105,78
79	25/4/2024	324.497.284.979	27.900.000	11.630,72	69.268.441.237	7.700.000	8.995,90
80	30/4/2024	325.525.374.405	27.900.000	11.667,57	70.031.677.074	7.700.000	9.095,02
81	1/5/2024	325.516.899.362	27.900.000	11.667,27	70.018.242.182	7.700.000	9.093,27
82	2/5/2024	324.628.469.616	27.900.000	11.635,42	70.608.496.905	7.700.000	9.169,93
83	3/5/2024	326.697.664.967	27.900.000	11.709,59	70.596.499.018	7.700.000	9.168,37
84	5/5/2024	326.680.668.337	27.900.000	11.708,98	70.186.617.413	7.700.000	9.115,14
85	6/5/2024	331.697.094.140	27.900.000	11.888,78	69.916.677.503	7.700.000	9.080,08
86	7/5/2024	331.225.010.628	27.900.000	11.871,86	70.877.324.294	7.700.000	9.204,84
87	8/5/2024	330.575.908.410	27.900.000	11.848,59	70.914.195.879	7.700.000	9.209,63
88	9/5/2024	329.997.945.357	27.900.000	11.827,88	71.464.217.941	7.700.000	9.281,06
89	12/5/2024	329.275.161.439	27.900.000	11.801,97	71.366.226.745	7.700.000	9.268,34
90	13/5/2024	328.393.260.411	27.900.000	11.770,36	71.866.456.295	7.700.000	9.333,30
91	14/5/2024	328.780.550.239	27.900.000	11.784,24	71.952.389.764	7.700.000	9.344,46
92	15/5/2024	330.938.614.549	27.900.000	11.861,59	71.944.007.070	7.700.000	9.343,37
93	16/5/2024	338.674.289.250	27.900.000	12.138,86	71.122.549.030	7.700.000	9.236,69
94	19/5/2024	340.074.702.248	27.900.000	12.189,05	71.649.249.782	7.700.000	9.305,09
95	20/5/2024	342.004.916.990	27.900.000	12.258,24	71.915.398.550	7.700.000	9.339,66
96	21/5/2024	340.951.877.050	27.900.000	12.220,49	72.677.401.500	7.700.000	9.438,62
97	22/5/2024	337.484.673.582	27.900.000	12.096,22	72.480.746.383	7.700.000	9.413,08
98	23/5/2024	340.064.616.816	27.900.000	12.188,69	71.876.686.846	7.700.000	9.334,63
99	26/5/2024	336.451.601.078	27.900.000	12.059,19	71.541.740.165	7.700.000	9.291,13
100	27/5/2024	337.135.527.947	27.900.000	12.083,71	71.584.422.374	7.700.000	9.296,67

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VFINSELECT

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023			
		Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ VND	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ VND	
101	28/5/2024	340.904.012.357	27.900.000	12.218,78	72.708.817.548	7.700.000	9.442,70	146,03
102	29/5/2024	338.880.329.666	27.900.000	12.146,24	72.941.325.707	7.700.000	9.472,89	30,19
103	30/5/2024	337.270.514.751	27.900.000	12.088,54	72.795.826.888	7.700.000	9.454,00	(18,89)
104	31/5/2024	336.860.918.402	27.900.000	12.073,86	73.664.607.004	7.700.000	9.566,83	112,83
105	2/6/2024	336.843.416.947	27.900.000	12.073,24	75.550.761.283	7.700.000	9.811,78	244,95
106	3/6/2024	342.858.376.627	27.900.000	12.288,83	75.518.512.474	7.700.000	9.807,59	(4,19)
107	4/6/2024	342.566.247.078	27.900.000	12.278,36	76.559.784.448	7.700.000	9.942,82	135,23
108	5/6/2024	341.392.990.434	27.900.000	12.236,30	76.487.662.007	7.700.000	9.933,46	(9,36)
109	6/6/2024	343.403.900.906	27.900.000	12.308,38	75.142.304.982	7.700.000	9.758,74	(174,72)
110	9/6/2024	344.697.632.505	27.900.000	12.354,75	75.858.618.050	7.700.000	9.851,76	93,02
111	10/6/2024	345.164.664.113	27.900.000	12.371,49	76.088.134.977	7.700.000	9.881,57	29,81
112	11/6/2024	344.478.009.990	27.900.000	12.346,88	76.135.306.178	7.700.000	9.887,70	6,13
113	12/6/2024	350.258.130.152	27.900.000	12.554,05	76.108.216.975	7.700.000	9.884,18	(3,52)
114	13/6/2024	352.476.830.151	27.900.000	12.633,57	76.124.022.012	7.700.000	9.886,23	2,05
115	16/6/2024	346.880.207.788	27.900.000	12.432,98	76.490.784.471	7.700.000	9.933,86	47,63
116	17/6/2024	345.606.075.507	27.900.000	12.387,31	76.036.489.297	7.700.000	9.874,86	(59,00)
117	18/6/2024	345.277.118.961	27.900.000	12.375,52	125.982.358.133	12.700.000	9.919,87	45,01
118	19/6/2024	345.936.317.919	27.900.000	12.399,15	126.847.183.114	12.700.000	9.987,96	68,09
119	20/6/2024	347.448.046.498	27.900.000	12.453,33	135.449.942.214	13.500.000	10.033,32	45,36
120	23/6/2024	346.766.470.339	27.900.000	12.428,90	136.762.465.651	13.500.000	10.130,55	97,23
121	24/6/2024	337.591.574.806	27.900.000	12.100,05	136.687.341.500	13.500.000	10.124,98	(5,57)
122	25/6/2024	337.999.794.265	27.900.000	12.114,68	136.345.619.731	13.500.000	10.099,67	(25,31)
123	26/6/2024	337.922.230.227	27.900.000	12.111,90	157.798.407.219	15.500.000	10.180,54	80,87
124	27/6/2024	336.417.125.373	27.900.000	12.057,96	200.456.953.918	20.000.000	10.022,84	(157,70)
125	30/6/2024	333.749.351.022	27.900.000	11.962,34	201.117.384.632	20.100.000	10.005,84	(17,00)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Chi tiết biến động giá trị tài sản ròng trong kỳ:

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
	Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND)	329.744.396.532
Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF		
- Mức cao nhất trong kỳ (VND)	611,24	356,73
- Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	0,28	1,06
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong kỳ		
- Mức cao nhất trong kỳ (VND)	12.633,57	10.180,54
- Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	10.532,80	8.423,82

20. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>Chứng chỉ quỹ</i>	<i>Chứng chỉ quỹ</i>
Đến một năm	27.900.000	28.000.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VFINSELECT

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

21.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý Quỹ	(147.469.506)	(983.874.829)	962.701.470	(168.642.865)
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(13.500.000)	(30.000.000)	30.000.000	(13.500.000)
						983.874.829

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VFINSELECT

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC** (tiếp theo)

21.2 **Các hợp đồng then chốt khác**

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (“Ngân hàng Giám sát”), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và phí dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 20.000.000 VND một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán Phải trả dịch vụ giám sát Phải trả dịch vụ quản trị quỹ Phí ngân hàng	794.082.765 (20.000.000) (5.501.066) (16.500.000) -	(15.253.893.708) (120.000.000) (36.082.659) (99.000.000) (1.101.270)	16.578.322.270 120.000.000 (1.741.945) 35.400.152 99.000.000 1.101.270	2.118.511.327 (20.000.000) (6.183.573) (16.500.000) -
						Chi phí VND
						1.101.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,01	2,08
Tốc độ vòng quay danh mục	7,48	10,71

22.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

22.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) / 2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quý. Nợ phải trả tài chính của Quý chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quý không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quý để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quý. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quý là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quý là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có do Quý không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 331.903.890.950 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 33.190.389.095 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 33.190.389.095 VND.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối năm tài chính có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Bất kỳ lúc nào VND	Dưới 3 tháng VND	Tổng cộng VND
Tài sản			
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	2.118.511.327	-	2.118.511.327
Các khoản đầu tư	-	331.903.890.950	331.903.890.950
Các khoản phải thu	-	216.755.982	216.755.982
Tổng tài sản	2.118.511.327	332.120.646.932	334.239.158.259
Nợ phải trả			
Chi phí phải trả	-	74.788.985	74.788.985
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	400.018.252	400.018.252
Tổng nợ phải trả	-	474.807.237	474.807.237
Mức chênh thanh khoản ròng	2.118.511.327	331.645.839.695	333.764.351.022

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	2.118.511.327	2.118.511.327
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	2.118.511.327	2.118.511.327
Các khoản đầu tư thuần	331.903.890.950	331.903.890.950
- Cổ phiếu niêm yết	331.503.259.950	331.503.259.950
- Quyền mua chứng khoán	400.631.000	400.631.000
Các khoản phải thu	216.755.982	(*)
	334.239.158.259	
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	74.788.985	(*)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	400.018.252	(*)
	474.807.237	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoán đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024